

ĐẤT VÀ NGƯỜI MIỀN TRUNG TRONG SÁNG TÁC CỦA NGUYỄN MINH CHÂU

Hoàng Thị Thu Giang* và Vũ Thị Minh Tâm

Khoa Sư phạm, Trường Đại học Hạ Long

Tóm tắt. Bài viết tập trung vào hai nội dung: Đất và Người miền Trung trong sáng tác Nguyễn Minh Châu. Đất miền Trung khắc nghiệt, nhọc nhằn vì sỏi đá, vì thời tiết, vì là “cái rốn của chiến tranh”. Nhưng với tình yêu và sự nâng niu, trân trọng, Nguyễn Minh Châu đã tìm thấy sự nên thơ, đậm chất trữ tình cũng như vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ của mảnh đất này. Trên mảnh đất ấy, “gương mặt” người miền Trung tỏa sáng với vẻ đẹp kiên trì, nhẫn nại, nghị lực phi thường. Không chỉ có thế, người miền Trung còn rất chung tình: Chung tình với đất, chung tình với người (kể cả với linh hồn người đã khuất). Và, trong gian khổ, khó khăn, người miền Trung vẫn vươn lên với trí tuệ sáng tạo và khát vọng sống mãnh liệt. Luôn đau đáu, khao khát đi tìm “hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn của con người”, Nguyễn Minh Châu, qua các trang viết về người miền Trung của mình, đã tìm được và làm sáng lên những hạt ngọc quý ấy.

Từ khóa: đất và người, miền Trung, Nguyễn Minh Châu.

1. Mở đầu

Bắt đầu cầm bút từ những năm miền Bắc hòa bình (truyện ngắn đầu tay *Sau một buổi tập* - 1960) và xuất hiện trên văn đàn từ những năm chống Mỹ (tiểu thuyết *Cửa sông* - 1967), cho tới sáng tác cuối cùng (truyện vừa *Phiên chợ Giát* - 1989), với hơn 3 thập kỉ cầm bút, với những tác phẩm giàu giá trị tư tưởng và nghệ thuật, Nguyễn Minh Châu được đánh giá là nhà văn có vị trí quan trọng trong đời sống văn học Việt Nam hiện đại, đặc biệt, từ sau mốc 1975, ông “thuộc số những nhà văn mở đường tinh anh và tài năng nhất” [1; 11]. Chính vì vậy, từ lâu, Nguyễn Minh Châu và những sáng tác của ông đã trở thành đối tượng tìm hiểu của nhiều công trình phê bình, nghiên cứu văn học.

Trong hành trình nghiên cứu dài lâu về nhà văn “đi tiên phong trong công cuộc đổi mới văn học, thể hiện tinh thần đổi mới văn học hết sức triệt để” này [2; 57], vấn đề “con người và vùng đất miền Trung trong các sáng tác của Nguyễn Minh Châu” ít nhiều đã được một số nhà nghiên cứu đề cập đến. Giáo sư Nguyễn Đăng Mạnh, trong bài viết *Những ngày cuối cùng gặp Nguyễn Minh Châu* đăng trên Tạp chí Văn nghệ quân đội, số 3, năm 1989 đã khẳng định viết về con người và mảnh đất miền Trung “là sở trường”, “đất làm ăn” của Nguyễn Minh Châu [1;544]. Các nhà nghiên cứu Tôn Phương Lan, Nguyễn Văn Hạnh, Trung Trung Đỉnh cũng đã chỉ ra con người và mảnh đất miền Trung chính là mảng hiện thực quen thuộc trong sáng tác Nguyễn Minh Châu. Còn Hỏa Diệu Thúy, trong bài viết *Hình tượng người phụ nữ trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu* [3] đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội đã chỉ ra điểm chung ở những người phụ nữ trong văn Nguyễn Minh Châu là sự rạn rỏi, khổ khổ, mà phần lớn trong số đó là phụ nữ miền Trung. Trong bài viết *Đề tài chiến tranh qua một số tác phẩm*

Ngày nhận bài: 5/1/2023. Ngày sửa bài: 22/1/2023. Ngày nhận đăng: 7/2/2023.

Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Thu Giang. Địa chỉ e-mail: hoangthithugiang@daihochalong.edu.vn

văn xuôi Việt Nam từ 1945 đến 1975 [4] của Nguyễn Thị Thanh, đặc biệt, trong bài *Thiên nhiên trong sáng tác Nguyễn Minh Châu* [5] của Phạm Thị Hồng Vân đều được đăng trên Tạp chí Khoa học Đại học Sư phạm Hà Nội, các tác giả đã khẳng định thiên nhiên vùng đất miền Trung thường hiện diện trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu. Có thể thấy nhiều nhà nghiên cứu đã nhận ra, chỉ ra sự gắn bó máu thịt của Nguyễn Minh Châu với miền Trung. Tuy nhiên, những nghiên cứu, công bố có liên quan đến vấn đề “con người và vùng đất miền Trung trong các sáng tác của Nguyễn Minh Châu” mới chỉ dừng lại ở một vài nhận định sơ lược hoặc ở một phương diện, phạm vi đối tượng cụ thể trong sáng tác Nguyễn Minh Châu. Vì vậy, bài viết này tập trung phân tích, đánh giá khái quát ở hai nội dung: Đất và người miền Trung trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Dải đất miền Trung trong văn Nguyễn Minh Châu

2.1.1. Dải đất khắc khổ, nhọc nhằn

Từ bao đời, miền Trung vẫn là mảnh đất được yêu thương và đồng cảm nhiều hơn các vùng đất khác. Có lẽ vì nó là đất khó. Khó ở đất đai, khó ở thời tiết nên khúc ruột miền Trung được gọi là dải đất của sự khắc khổ và nhọc nhằn. Địa hình của miền Trung không rộng dài như đồng bằng sông Hồng hay đồng bằng sông Cửu Long mà nhỏ hẹp theo chiều Đông – Tây. Phóng tầm mắt là thấy đồi, núi, “*một đèo, một đèo, lại một đèo*” (Hồ Xuân Hương). Đã nhỏ hẹp về chiều ngang còn bị chia cắt bởi dãy Trường Sơn nên khí hậu nơi đây thật “khó chiều”. Bắt đầu bước vào vùng này là có thể cảm nhận ngay thứ gió Lào khô, nóng, thứ thời tiết mà mặt trời “*ưu ái*” mặc “*lớp áo lửa*” mỗi ngày. Đất nơi đây hiện lên: “*chung quanh mùi rễ cỏ tranh ngai ngái*” với “*đur âm ken kết đầy rên rĩ của những chiếc xe cút kít*” [6; 544]. Đó là sự ám ảnh của Quỳ với thứ đất “*gan lì*” như thách thức con người trong *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*: “*Luối cuộc bập xuống cảm thấy hai cánh tay tê dại như muốn văng theo cán cuốc, còn mặt đất vẫn gan lì, chỉ sút mẻ một tí chút*” [6; 113]. Là “*một thứ đất đến kì cục: cứ lỏng chỏng đầy những đá. Viên bé chỉ là một hòn đá kì lưng, hòn to cũng ngang cái đầu và lại còn cơ man là rễ cỏ gianh*” [6; 544].

Trong hàng loạt tác phẩm, từ tiểu thuyết đầu tay *Cửa sông* (1967) tới tập truyện cuối cùng *Cỏ lau* (1989), có thể thấy Nguyễn Minh Châu luôn trĩu nặng yêu thương với dải đất ấy, nơi đất đai phần lớn khô cằn, thiếu nước, nhưng mưa to lại ngập lụt rất nhanh, nơi con người lao động cực nhọc, lam lũ nhưng đói nghèo vẫn cứ đeo bám. Đó là làng chài Hiền An: “*Đi đến rữ cặng, không gặp một bóng người, một bóng nhà, không nghe một tiếng gà chó, chỉ thấy mọc độc một giống cây lá cứng, có khía và quả của nó không bao giờ chín gọi là quả mật sất*” [7; 779], là quê hương vùng biển Nghệ Tĩnh trong *Mảnh đất tình yêu*: “*Vùng cửa biển làng tôi cứ chừng khoảng vài ba giáp, trời đất lại vẽ lại bản đồ một lần.(...) có những con sóng biển vài ba giáp, thậm chí hai mươi, mười lăm giáp mới đặt chân tới thăm thú vùng cửa biển quê tôi một lần*” [7; 776].

Trong cảm nhận của Quy (*Mảnh đất tình yêu*), dải đất ấy như “*đã nghiền nát những con người ra rồi vắt lại theo cái hình thù đã có từ ngàn đời của nó*” [7; 576]. Bởi lam lũ, vất vả, đói nghèo cứ đeo bám người miền Trung từ những năm tháng chiến tranh tới tận những ngày đất nước đã hòa bình, thống nhất. Và Nguyễn Minh Châu là một trong những nhà văn đầu tiên can đảm tả chân cuộc sống u tối đó: “*Quê tôi là Quỳnh Hải, thôn Kê Thoi, vùng Lạch Thoi, Lạch Quèn. Dữ dội lắm. Dân Lạch Thoi nhiều nơi sợ vì chỉ có uống rượu và đánh nhau. Rượu say, ngủ luôn ở bãi biển. Mỗi đêm, những người đàn bà phải đi “nhặt” chồng về. Cả làng làm nghề chài lưới, chẳng học hành gì cả. Tôi còn nhớ ông Điềm mỗi khi say rượu, cởi truồng nong nong, quần vắt lên vai, đi vào trong xóm, lấy quần đánh chó. Gặp ai cũng chửi tuốt. Nhưng vợ phải một mụ bán bánh đa ở chợ làng còn dữ dội hơn. Mụ tuốt vấy ra, lấy vấy đánh vào mặt. Lão Điềm phải thua. Có người*

uống rượu say, lấy mảnh thủy tinh (dùng để cạo tinh những thanh giang chẻ lạt) rạch ngang bụng, ruột sỏ ra. Trẻ con chúng tôi lấy rô đưng ruột cho ông ta, buộc lại rồi đưa đi bệnh viện. Ông ta chết” [9; 429].

Ở vùng đất mà “nắng nẻ mưa nguồn” cứ nứu và bám chặt lấy con người, cái đói nghèo, cái cơ cực mãi không chịu buông tha cho họ. Người đàn bà “xấu xí và đau khổ” trong *Chiếc thuyền ngoài xa* hiện lên với “ gương mặt mệt mỏi sau một đêm thức trắng kéo lưới, tái ngắt và dường như đang buồn ngủ” [6; 128]. Và bữa cơm của gia đình người đàn bà ấy triền miên với “xương rỗng lược chám muối”. Áp lực cuộc sống khiến con người trở nên biến chất, khiến những ông chồng - trụ cột của gia đình trở nên bạo lực, trở thành những hung thần trong mắt vợ con. Hình ảnh gã chồng của người đàn bà xấu xí vừa đánh vợ “vừa thờ hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két” và tiếng rủa “mày chết đi cho ông nhờ” cứ ám ảnh người đọc [6; 129]. Và tư tưởng cổ hủ vẫn đè nặng lên đời sống của con người, khiến Huệ trong *Khách ở quê ra* - một người phụ nữ vốn thuộc về nơi của những ánh điện lấp lánh khi về với lão Khúng thì lại tự biến mình thành một cái máy để theo quan niệm “nhiều người để vỡ được nhiều đất” [6; 580], vậy mà quanh năm nào có đủ miếng ăn. Trên mảnh đất khó này, dù luôn gắng gỏi nhưng vô vàn khó khăn và tai ương dường như luôn sẵn sàng ập đến khiến cuộc sống người miền Trung như luôn gánh trên vai hai chữ “nhọc nhằn”.

2.1.2. Cái rốn của bom đạn chiến tranh, của đau thương, mất mát

Vùng đất khắc khổ miền Trung đã khiến con người nơi đây vốn đã nhọc nhằn lại càng trở nên nhọc nhằn hơn khi trở thành cái rốn của bom đạn chiến tranh. Không phải ngày một ngày hai, một tháng, một năm mà suốt chiều dài đằng đẵng hơn 30 năm chiến tranh, bom đạn giặc thù không ngừng trút lên đất này. Hình ảnh vùng đất “cái rốn của bom đạn chiến tranh” ấy đã hiện lên đầy ám ảnh trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu ở cả giai đoạn trước 1975 và giai đoạn hậu chiến, bộc lộ niềm đau và tình yêu quận thắt mà ông dành cho vùng đất quê hương.

Trong *Dấu chân người lính*, từ *Hành quân*, *Chiến dịch bao vây tới Đất giải phóng*,... Nguyễn Minh Châu đã dựng dậy sự tàn khốc của những cuộc giặc ném bom oanh tạc dọc tuyến đường huyết mạch Trường Sơn, đặc biệt là những trận đánh trên mảnh đất Quảng Trị. Đây là hình ảnh chiến địa Khe Sanh mịt mù bởi đạn pháo và chất độc hủy diệt mang tên “màu da cam”: “Chúng rải thuốc độc hóa học và dùng máy bay B.52 rải bom theo lối “rải thảm”,... các cánh rừng chung quanh đã quang đi từng vạt, từng vạt cỏ tranh bị thiêu cháy, ở các chân lên đá và dọc khe suối đã bị phát quang, máy bay trinh sát các loại lượn đi lượn lại thăm dò suốt ngày đêm. Ban đêm từng chùm pháo sáng liên tiếp treo lơ lửng trong bầu sương thăm thẳm trắng rừng trắng núi” [8,27]. Ngay cả khi chiến tranh đã đi qua, tàn dư của sự khốc liệt, bạo tàn mà bom đạn giặc thù trút xuống mảnh đất này vẫn hiện lên đầy ám ảnh trong văn học thời hậu chiến của Nguyễn Minh Châu. “Cứ đi một quãng lại thấy một vại hố bom sâu đến rợn người. Sau hàng chục năm không cày cấy, mặt đất dưới chân rần như gang và nứt nẻ - những vết nứt rộng như những con đường giao thông hào và hố bom, dây thép gai và mìn, bàn chân đặt lên mặt đất vẫn rón rén đầy thận trọng và thỉnh thoảng ở đâu đó lại khiến cho mình phải giật bắn người lên vì một tiếng nổ, chỉ lát sau đã thấy một chiếc cáng đi qua, trên đôn cáng phủ trùm một chiếc chiếu hay tấm chăn” [6; 721]. Những di chứng mà chiến tranh để lại trên đất này khiến Quý (Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành) ám ảnh mãi không dứt: “Chúng tôi về đến ngã ba “toạ độ” vào một buổi chiều. Trời vừa mưa dầm vừa có mù, một thứ mù dưng đục như sữa bánh đồ xuống đất vừa mức lên, màu vàng vàng bực kín lấy cả một vùng đất bát ngát lơ lơ đầy thân cây đổ và hố bom” [6; 98]. “Tôi đã đi khắp các vùng vừa được giải phóng chật hẹp, ở đâu trời cũng trong xanh, trời cứ xanh ngấn ngát,... trong khi ấy, mặt đất cứ sạm đen bởi màu thuốc súng để lại” [6; 109]. Còn Lược (*Cô lau*) - người tương như đã tử trận trong chiến dịch năm nào, sau nhiều năm trở về, khi đứng lặng người trước ngôi mộ mang tên mình cũng vẫn ám ảnh bởi tiếng khóc nhiều khi to hơn cả tiếng súng của người miền Trung, bởi sự hi sinh của con người, của

vùng đất này. Và cứ sau mỗi trận “đại hồng thủy” B52 của giặc, cuộc sống của con người nơi đây “y như vừa mới bắt đầu” [10, 113].

Đọc *Miền Cháy*, *Dấu chân người lính*, *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Cỏ lau...* độc giả có thể thấy nhiều mặt của đời sống người miền Trung trong chiến tranh, từ tình yêu đến tình người, từ bức tranh thiên nhiên hoang sơ đến những trận mưa bom bão đạn mà giặc Mỹ trút lên đất này, và để hiểu, thương cảm hơn với dải đất tuy nhỏ hẹp mà có tới 72 nghĩa trang liệt sĩ, hơn 60 nghìn ngôi mộ có tên, không tên đang yên vị. Phải rất lâu nữa người ta mới có thể xoa dịu, làm vơi bớt sự khốc liệt, tàn bạo mà chiến tranh đã gây nên cho khúc ruột miền Trung này.

2.1.3. Mang vẻ đẹp hùng vĩ, tráng lệ lại cũng rất nên thơ, trữ tình

Tình yêu lớn mà Nguyễn Minh Châu dành cho dải đất miền Trung không chỉ thể hiện ở những trang truyện ám ảnh khi ông viết về sự khắc khổ, nhọc nhằn, đau thương của vùng đất này mà còn thể hiện ở những áng văn đậm chất trữ tình khi ông chạm khắc hình ảnh thiên nhiên nơi đây. Đó là dãy Trường Sơn trong *Dấu chân người lính* hùng vĩ, tráng lệ - một mảnh ghép không thể thiếu nếu nhắc đến thiên nhiên miền Trung. Cây vẫn cao, rừng vẫn xanh, con người ngày ngày vẫn bước chân trên mảnh đất đỏ, khoảng trời đó: “Một vùng núi đá dựng đứng đầy vắng lặng, chim kêu vượn hót cũng không, chỉ có núi đá và núi đá nối nhau chạy dài dọc sông ôm lấy một cái thung lũng mọc độc một thứ cỏ lau đang trở một trời hoa tím nhạt” [6; 490]. Đất miền Trung trong văn Nguyễn Minh Châu luôn hiện lên ở cả hai mặt tương như có phần đối lập như vậy - nhọc nhằn nhưng vẫn rất nên thơ. Vẻ nên thơ của vùng đất chang chang nắng gió ấy trong thơ Hàn Mặc Tử là: “làn nắng ửng”, “khói mơ tan”, là những “mái nhà tranh lấm lấm vàng”, còn trong văn Nguyễn Minh Châu, nó là “Hoa lau phơ phất trên nền xanh uyển chuyển của rừng lau, thân cây lau cúi rạp xuống từng đợt, lá xanh loáng lên dưới ánh mặt trời rồi trở màu sẫm huyền bí trong vô vàn tiếng lá chạm nhau xào xạc” [6; 493]. Sự tinh tế, nhạy cảm của Nguyễn Minh Châu sau này cũng chính là điều khiến các tác phẩm của ông không chỉ là những thước phim tả chân đời sống con người mà còn chứa đựng bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, tráng lệ lại cũng rất nên thơ, trữ tình.

Mang kí ức của người con miền Trung, suốt đời Nguyễn Minh Châu luôn nâng niu một tình yêu với đất. Dù cho đó là thứ đất rễ tre dày khô cứng, thì nó vẫn là mảnh đất bao dung, nuôi dưỡng con người. Trong ánh mắt của người nghệ sĩ ấy, đất miền Trung không chỉ là mảnh đất của hai màu đen trắng với những thước phim khói lửa chiến tranh mà đó còn là mảnh đất rất trữ tình, nên thơ với màu xanh cây lá, với những bóng trưa xéo xuống mặt đất, với màu hoa lau tím nhạt ánh lên tí tập phía chân trời.

2.2. Người miền Trung trong văn Nguyễn Minh Châu

Nguyễn Minh Châu từng tuyên bố: “Thiên chức của nhà văn là suốt đời đi tìm hạt ngọc ẩn giấu trong bề sâu tâm hồn con người”. Từ văn nghiệp mà ông để lại, có thể thấy, ông đã dành phần lớn đời văn của mình để làm sáng lên những hạt ngọc trong tâm hồn con người, đặc biệt là tâm hồn người miền Trung. Sống trên mảnh đất khắc khổ, nhọc nhằn, chịu nhiều đau thương, mất mát, nhưng con người miền Trung trong văn Nguyễn Minh Châu luôn bừng sáng những phẩm chất đáng quý.

2.2.1. Gan góc, kiên trì, nhẫn nại, nghị lực sống phi thường

Nhân vật trung tâm trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu ở giai đoạn trước 1975 (tiểu thuyết *Cửa sông*, tập truyện ngắn *Những vùng trời khác nhau*, tiểu thuyết *Dấu chân người lính*) là hình tượng người lính. Được rèn luyện, trưởng thành từ quân đội, dễ hiểu tại sao Nguyễn Minh Châu có sự am tường về đời sống của người lính đến vậy. Qua những hình tượng như Bân, Lân (tiểu thuyết *Cửa sông*); Huyện đội trưởng Ngạn, Vũ, Khai, Nguyệt, Lãm, Lê, Sơn, Thoa, Yên,... (tập truyện ngắn *Những vùng trời khác nhau*); Kinh, Lượng, Khuê, Lữ, Thái Văn,... (tiểu thuyết *Dấu chân người lính*), có thể thấy Nguyễn Minh Châu đã khắc họa được

những đường nét điển hình của người chiến sĩ cách mạng, vừa cụ thể, sinh động lại vừa có sức khái quát lớn. Mặc dù phần lớn người lính trong sáng tác thời kì chống Mỹ của Nguyễn Minh Châu là những người con của vùng đất miền Trung nhưng về cơ bản họ mang mẫu số chung của người lính cụ Hồ trong văn học cách mạng Việt Nam giai đoạn chiến tranh. Họ mang trong mình phẩm chất anh hùng, đại diện cho khí phách của dân tộc, giống nhau ở tinh thần căm thù giặc và sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì quê hương, Tổ quốc. Ở họ, ý thức cá nhân đã hoà vào với ý thức cộng đồng, cuộc đời của mỗi người gắn liền với số phận của dân tộc, vận mệnh của đất nước: “Mỗi thế hệ bước vào cuộc chiến đấu với một dáng cầm súng khác nhau... Ngày xưa, những người lính nông dân cầm khẩu súng để chiến đấu cho Tổ quốc đồng thời cho mảnh vườn và mái nhà của mình. Hôm nay, những người chiến sĩ mà Thái Văn đã đi theo họ suốt dải rừng Trường Sơn, họ từ giã gia đình, trường học và từ giã một cuộc sống tương lai đẹp đẽ hết sức ... Họ từ bỏ cái trái hạnh phúc đã ứng hồng trong vườn nhà mình để cầm súng đi chiến đấu” [8;371]. Với đặc điểm này, con người miền Trung trong sáng tác Nguyễn Minh Châu giai đoạn trước 1975 chưa mang màu sắc riêng biệt.

Nhưng từ sau 1975, với hàng loạt tác phẩm cùng số lượng nhân vật đông đảo (trong các tiểu thuyết *Miền cháy*, *Lửa từ những ngôi nhà*, *Những người từ trong rừng ra*, *Mảnh đất tình yêu*; các tập truyện *Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*, *Bến quê*, *Chiếc thuyền ngoài xa*; các truyện vừa *Phiên chợ Giát*, *Cỏ lau*), dù có không ít nhân vật là người con của những vùng đất khác thì “chất” người miền Trung với những phẩm chất đặc trưng: gan góc, kiên trì, nhẫn nại, nghị lực sống phi thường đã trở nên đặc biệt đậm nét và tỏa sáng trong sáng tác của Nguyễn Minh Châu.

Đọc văn Nguyễn Minh Châu ở giai đoạn sau 1975, độc giả thấm thía thực tế có quá nhiều cái khó mà người miền Trung phải gồng gánh trên đôi vai, từ đó thấu hiểu tại sao con nơi đây phải mạnh mẽ đến vậy - mạnh mẽ đến bất thường. Con người ta thường cố gắng mạnh mẽ ở một hoặc một số giai đoạn nào đó để vượt qua những bão giông bủa vây, còn với người miền Trung, họ mạnh mẽ và nhẫn nại cả cuộc đời, từ đời này sang đời khác. Qua các sáng tác thời hậu chiến, Nguyễn Minh Châu giúp ta hiểu ra rằng chính sự “sàng lọc dữ dội” của một vùng thiên nhiên khắc nghiệt với đất đai khô cằn, sỏi đá, thời tiết ảm ương, điều kiện sống khắc nghiệt và dữ dội đã tôi luyện nên những con người miền Trung “sắt đá” cả về thể chất và tinh thần.

Sự khó khăn, sự đào thải khắc nghiệt của vùng đất miền Trung đã tạc nên những con người mang vẻ đẹp của chí khí. Quy trong *Mảnh đất tình yêu* đã nhìn thấy trong chính ngôi làng chài Hiền An yêu thương ở vùng biển Nghệ Tĩnh của mình những con người với mẫu số chung: “Mỗi con sóng như vậy dù đã xảy đến từ lâu đời, từ khi ông tôi chưa đẻ, vẫn rạch một vết thương rất sâu vào tâm khảm của ông tôi, làm hằn lên ở trong tính cách con người ông tôi cái đức tính kiên nhẫn đầy vô vọng nhưng vẫn không hề bao giờ nhụt chí” [7; 777]. Người miền Trung bốn mùa “bán mặt cho đất, bán lưng cho trời” vẫn kiên trì vất cục đất làm ra củ khoai hạt lúa, những lò nấu muối vẫn đỏ lửa thâu đêm. Có ai đó đã so sánh con người nơi đây như những ‘con dã tràng’ - cứ miệt mài, không quản ngày đêm, nắng mưa se cát, làm tổ, dù cho ngày mai “cuộc đời có bị đất trời cướp mất hết” thì người miền Trung vẫn “còn lại tình yêu cuộc sống và hai bàn tay không ngừng làm lụng” [7; 812]. Trước bão giông, gian khổ, người miền Trung vẫn đan tay, chung lưng đấu cật cùng đồng viên nhau tiếp tục bám trụ với đất, quyết làm cho đất nở hoa.

Nhận xét về người xứ Nghệ, nhà nghiên cứu Đặng Thai Mai có viết: “Các nhà viết phong thổ ngày xưa cho rằng con người xứ Nghệ can đảm đến sơ suất, cần cù đến liều lĩnh, kiên quyết đến khô khan và tàn tiện đến... cá gỏi” [11; 142]. Có lẽ, đây cũng là mẫu số chung của người miền Trung. Quả thật, con người nơi đây dường như đã đánh cược mạng sống của mình, cá cược với thiên nhiên dữ dội bằng sự cần cù, chăm chỉ, sự thích ứng nhanh nhạy và nghị lực phi thường.

Thường thì vùng đất nào tạo nên con người đó. Đất đai tươi tốt, con người cũng sẽ tràn đầy sức sống và ngược lại. Điều kiện sống khắc nghiệt đã đúc nên người miền Trung se sắt. Về con người miền Trung, nhà nghiên cứu Nguyễn Đăng Mạnh cảm nhận: “họ chất phác, cục mịch, lực lưỡng, như mọc lên từ sỏi đá, nhờ sóng gió, bão táp mà luyện thành xương sắt, da đồng” [1; 544]. Và những đặc điểm đó của người miền Trung một lần nữa được thể hiện sinh động, đậm nét trong thể giới nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu. Trong dòng hồi tưởng của Quỳ (*Người đàn bà trên chuyến tàu tốc hành*) hình ảnh: “những ông già đầu bạc, những em bé gơ cao chiếc cuốc rất nặng bỏ xuống cánh đồng đất rắn như gang” [6; 164], hình ảnh bàn tay người mẹ “đầy những vết chai sẹo từ bao đời” [6; 164] khiến độc giả không khỏi xót xa. Định trong Khách ở quê ra đã nhìn ngắm thật lâu đôi bàn tay của lão chắt Hoè để rồi phải cảm thán: “Chẳng còn là hình thù của một cái bàn tay con người nữa! Hai bàn tay lão đầy những chỗ nổi u nổi cục, các ngón vụn vẹo và bọc một lớp da giống như thứ vỏ cây và cả bàn tay lão giống y như một toà rễ cây vừa mới đào dưới đất lên” [6; 607]. Đó là những đôi bàn tay của lao động cần lao, tuy thô ráp, thậm chí xấu xí như “một tấm da trâu...” [6; 164] nhưng lại là những đôi bàn tay vàng góp sức kiến thiết mảnh đất miền Trung từ đói nghèo rơm rạ vươn lên mạnh mẽ như ngày hôm nay.

Sức sống của con người nơi đây thật kì diệu. Âu cũng bởi họ không có sự lựa chọn khi đứng giữa bốn phương tám hướng đất trời mà chỉ có đất khô đang rữa ra từng mảng, là nắng gió rất da và những trận bão biển miền Trung trở thành “cái rón” của những bi kịch thiên nhiên. Chỉ còn một cách duy nhất là tiếp tục sống, chấp nhận khốn khó mà vươn lên. Nếu như được sống ở một cuộc đời khác, một mảnh đất khác, có lẽ họ sẽ nhàn hạ hơn chăng? Nhưng nếu thế, có lẽ người miền Trung sẽ không khiến người ta kính trọng và đau đáu niềm thương yêu đến vậy. Trên mảnh đất này, đời nổi đời, người miền Trung miệt mài đổ mồ hôi, nước mắt, thậm chí là máu của mình cho đất nở hoa. Kiên trì, nhẫn nại và nghị lực tuy không phải là phẩm chất riêng có của người miền Trung nhưng quả thực, đó là những phẩm chất thường trực của con người nơi đây. Lão Khúng (*Khách ở quê ra*) đã “tranh chấp với rừng từng bước chân” và “không chỉ trả giá bằng mồ hôi mà cả bằng máu” [6; 516]. Bà Điềm, chị Khơi (*Mảnh đất tình yêu*) hay người đàn bà làng chài trong *Chiếc thuyền ngoài xa* cũng mang những phẩm chất ấy, luôn mang trong mình nghị lực sống kiên cường.

Có thể thấy, trong thế giới nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu (chủ yếu là trong thế giới nhân vật văn xuôi của ông thuộc giai đoạn sau 1975), các nhân vật (mà đa phần là người miền Trung), tuy mỗi người một sắc vẻ riêng nhưng đều khiến độc giả nghĩ tới loài sen đá nở kiêu sa trên những vùng đất khô cằn.

2.2.2. Chung tình

Người miền Trung “mình đồng da sắt” nhưng trái tim của họ vẫn luôn chảy một dòng máu “chung tình”. Đó là thứ tình cảm giữa người với người, giữa người với đất, giữa người với linh hồn. Trong mọi hoàn cảnh tình người nơi đây vẫn luôn tồn tại dù ở những thời khắc gian lao, quyết liệt nhất.

2.2.2.1. Chung tình với đất

Lớn lên trên vùng đất “gánh” hai đầu đất nước với sóng biển và những trận mưa gào giạt, dù có viết về mảnh đất nào thì hơi thở của miền Trung vẫn luôn hiển hiện trong trang văn Nguyễn Minh Châu. Đó là làng Quỳnh Hải, thôn Kê Thơi, vùng Lạch Thơi, Lạch Quèn nơi ông sinh ra, “dữ dội lắm” mà cũng “bình yên lắm”. Đó là mảnh đất Quảng Trị nơi ông có gắn bó máu thịt, mà như ông từng thú nhận thì: “Cái mảnh đất Quảng Trị gần như tôi si mê nó, hình như trong con người tôi và mảnh đất ấy có chung một sợi dây thần kinh mà hề cứ chạm đến đây thì cả con người tôi rung lên” [9; 469]. Đó còn là bao ngôi làng, bao “cửa sông”, là “những vùng trời khác nhau” mà “dấu chân người lính” Nguyễn Minh Châu từng đi qua trên khắp dải đất miền Trung này. Tất cả những vùng đất đó đã tạo nên một “chất miền Trung” đậm nét trong văn Nguyễn Minh Châu: Sự chung tình với quê hương, xứ sở, với vùng đất mà họ sinh ra.

Trên mảnh đất nhọc nhằn ấy, con người vẫn bám trụ ở lại. Họ “quý đất như quý con, còn hơn cả con” [6;132]. Trong mắt người phương khác, có thể mảnh đất này không đến nỗi phải cố sống cố chết bám trụ đến vậy, nhưng, với những con người đã chôn rau cắt rốn ở nơi này thì khác: “Ừ, cũng lạ, hồi còn đang chiến tranh, mỗi lúc ra vùng giáp ranh để xuống đồng bằng, phải đi qua những cánh đồng bỏ hoang, chung quanh chôn các đôn bốt, mình vẫn thấy tiếc, vẫn thấy xót ruột nhưng chỉ đến sau ngày hoà bình mới càng thấy tiếc từng tấc đất bỏ hoang - từng tấc đất mà bao nhiêu người đã phải rỏ máu để giành lấy [6; 542]”. Nguyễn Minh Châu đã nhìn thấy, chỉ ra mối liên hệ thiêng liêng giữa người và đất nơi này. Họ yêu thương, gắn bó, chung tình với vùng đất này, dù vùng đất ấy thật khắc nghiệt. Quy trong *Mảnh đất tình yêu* tin tưởng: “Tình yêu của tôi sẽ như một chất kết dính của mảnh đất này. Tình yêu của tôi sẽ giữ bàn chân Hoa lại với cái mảnh đất vừa giàu thiên kiến vừa giàu lòng bao dung này” [7; 1003]. Mồ hôi, nước mắt và cả máu đã đổ trên mảnh đất thối lửa ấy nhưng Quy vẫn nhìn thấy ở sâu bên trong lớp nứt nẻ kia là sự ấp ủ, là lòng bao dung của thiên nhiên đối với con người. Còn đối với Khúng trong *Khách ở quê ra* thì “để giữ cái gốc, họ nhà mình chỉ nên sống với cái hòn đất” [6;518]. Ngay cả những người tha phương, như Huệ - vợ của Khúng chẳng hạn, khi về với mảnh đất miền Trung bão táp này, cũng có sự gắn bó đến mức: “chùng như đây là một người đàn bà đã quyết tâm đoạn tuyệt với gốc gác thành phố” [6; 523].

Ngay cả người đã khuất cũng vẫn chung tình với đất: “Có một chuyện cũng lạ: một anh đi biển gặp bão, chết ngoài khơi xa, xác trôi về, cứ trôi quanh co theo con Lạch Thoi mà vào đến tận cửa nhà mình mới dừng lại” [7; 429]. Câu chuyện có phần huyền bí, nhưng nó nói lên một sự thật rằng người miền Trung đặc biệt gắn bó với nơi chôn rau cắt rốn của mình. Khi còn sống và cả khi đã chết đi, vẫn muốn về lại với đất mẹ, để hít hà thứ gió biển, mùi đất của quê hương, của yêu thương.

Cũng chính vì tình yêu với đất, với quê hương nên khi có giặc xâm lăng, cũng như mọi người Việt yêu nước trên khắp lãnh thổ hình chữ S, người miền Trung bắt khuất, kiên trung chiến đấu đánh đuổi giặc thù: “Hàng chục năm nay cũng như từ ngàn đời, bao nhiêu thứ giặc ngoại xâm đến đây đều bị chết gục trong cái làng quê hiền lành một màu xanh rì ấy” [7; 858]. Dũng (*Khách ở quê ra*) sẵn sàng buông cuộc cày, cầm súng lên đường đánh giặc. Bởi tình yêu với đất nước, quê hương luôn thường trực trong họ, bởi họ ý thức được: “Dù chỉ là vài cái mả, nhưng địa hình đó vô cùng lợi hại cho bên nào chiếm được” [6; 455]. Với họ, đất chính là máu thịt.

2.2.2.2. Chung tình với người

Con người miền Trung chung tình với đất và cũng rất nặng tình với người. Cuộc sống nhọc nhằn, như cây tre vươn lên từ đá sỏi, như một lẽ tự nhiên, từ trong lịch sử dài lâu, người miền Trung đã luôn bó bện vào nhau để vượt lên. Trong những năm tháng chiến tranh, sự bó bện ấy càng bộc lộ đậm nét, khi người dân nơi đây giang rộng cánh tay của mình bao bọc, chở che những người chiến sĩ, vì tình yêu Tổ quốc “xé dọc Trường Sơn đi cứu nước” mà đến với mảnh đất này. Theo tiếng gọi của Tổ quốc, bố Quy (*Mảnh đất tình yêu*) đã tới nơi đây, và ông sẽ không thể sống sót được trên mảnh đất ấy nếu như: “Giữa rón ếch lúc nào cũng đầy đe dọa nguy hiểm, cái tình thương người và tình cảm cách mạng ở trong lòng mẹ tôi và ông ngoại tôi thậm chí chỉ thiếu hụt đi một tí,... thì sẽ không bao giờ bố tôi tìm được chôn nung nấu và tất nhiên sẽ không bao giờ có tôi trên đời” [7; 646]. Mẹ Diễm (*Mảnh đất tình yêu*) đã sẵn sàng ôm trọn lấy viên đạn của kẻ thù để che chắn cho cán bộ chiến sĩ. Và Thai (*Cỏ lau*) đã mở rộng vòng tay cứu mang những người làm cách mạng trong những cánh rừng Trường Sơn vào những ngày gian khó nhất.

Trọng nghĩa, trọng tình cũng là một đặc điểm nổi bật của người miền Trung. Ông ngoại Quy (*Mảnh đất tình yêu*) luôn đau đáu mong một ngày: “trở về với vợ con và bà con trong thôn xóm từng làm ăn bên nhau ngày xưa” [7; 901]. Định (*Khách ở quê ra*) luôn cảm thấy “còn mắc nợ món